

Tập 246

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bảy mươi chín:

(Sao) Tiệm tấn giả, căn sảo độn nhân, tiên cần Sự trì, hậu tiệm cứu Lý. Nhược căn tánh đại lợi, kính tự Lý trì, cố danh “đốn nhập”, tác dụng tiểu thù, cập kỳ thành công, nhất dã.

(鈔)漸進者，根稍鈍人，先勤事持，後漸究理；若根性大利，徑就理持，故名頓入；作用小殊，及其成功，一也。

(Sao: Tiệm tấn là người căn tánh hơi độn, trước hết bèn siêng năng Sự trì, sau đó dần dần tham cứu Lý. Nếu là căn tánh rất bén nhạy, sẽ nhanh chóng hành theo Lý trì, nên gọi là “đốn nhập”. Tác dụng khác biệt đôi chút, nhưng xét đến sự thành công thì là một).

Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch đạo lý và sự thật này; sau đây, chúng ta niệm Phật thì tâm mới có thể định được. Ở đây, đại sư đã nói rất rõ ràng, bất luận là Sự trì hay Lý trì, căn tánh của chính mình nhạy bén hay chậm lụt khác nhau, nhưng sau khi đã niệm đến mức công phu thuần thực, hiệu quả như nhau. “*Tiệm tấn*” (漸進: tiến từ từ) là tùy thuận căn tánh của chính mình. Nếu chẳng phải là kẻ thượng thượng lợi căn, chúng ta tu tập theo đường lối Sự trì. Sự trì cũng do kinh dạy, chúng ta tin sâu xa từ phương Tây của thế giới Sa Bà qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, xác thực là có thế giới Cực Lạc. Trong thế giới Cực Lạc, xác thực là có A Di Đà Phật. “*Hữu Phật hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp*” (Có Phật hiệu A Di Đà, nay đang thuyết pháp). Tín nguyện trì danh, một câu danh hiệu niệm đến cùng, đó là Sự trì. Đến khi nào chúng ta mới từ Sự trì tiến nhập Lý trì? Chẳng cần lo lắng chuyện này, cũng chẳng cần phải hỏi tới, ngày nào niệm đến Lý nhất tâm, khi ấy, quý vị niệm câu A Di Đà Phật sẽ từ Sự trì biến thành Lý trí. Vì sao? Lý nhất tâm sẽ kiến tánh. Lý là kiến tánh; chẳng kiến tánh, sẽ chẳng gọi là Lý trì. Bất luận Sự trì hay Lý trì, cảnh giới nơi Sự nhất tâm bất loạn đều gọi là Sự trì. Sau khi đã kiến tánh, bất luận là Lý trì hay Sự trì, đều gọi là Lý trì. Do vậy, tuy tác dụng chẳng giống nhau, phương pháp tu học nơi Lý và Sự khác nhau, thành tựu như nhau, đều là công phu thành phẩm, Sự nhất tâm bất

loạn hay Lý nhất tâm bất loạn, hoàn toàn giống nhau. Đối với người căn tánh nhạy bén, Lý trì tốt lắm, do Lý trì sẽ khai ngộ nhanh chóng. Nhưng phải ghi nhớ, căn tánh chúng ta có phải rất nhạy bén hay chẳng? Nếu chính mình xác thực là căn tánh trung hạ, làm tướng là căn tánh thượng thượng, quý vị dụng công từ Lý trì, chỉ sợ một đời này ngay cả hạ hạ phẩm cũng chẳng đạt được, đáng tiếc lắm! Chẳng bằng Sự trì, người thật thà niệm một câu Phật hiệu đến cùng, thường là đều có thể vãng sanh. Đã có thể vãng sanh, phẩm vị sẽ chẳng rất thấp, đại khái là từ trung phẩm trở lên.

(Sớ) Hữu nhất tâm bất loạn hạ, hữu bốn gia “chuyên trì danh hiệu” nhị thập nhất tự, kim sở bất dụng, dĩ văn nghĩa bất an cố, nhưng y cổ bản bất gia.

(疏)又一心不亂下，有本加專持名號二十一字，今所不用，以文義不安故，仍依古本不加。

(Sớ: Lại nữa, sau chữ “nhất tâm bất loạn”, có phiên bản thêm vào hai mươi một chữ “chuyên trì danh hiệu...” nay tôi chẳng dùng theo cách ấy, bởi văn và nghĩa chẳng ổn thỏa, vẫn y theo bản xưa, chẳng thêm vào).

Đoạn này nói tới “*Tương Dương thạch kinh*”, Tương Dương thuộc tỉnh Hồ Bắc, [ở đây nói tới] là kinh văn kinh A Di Đà được khắc trên đá [tại Tương Dương]¹. Bản ấy so với bản kinh Di Đà được lưu thông hiện thời nhiều hơn hai mươi một chữ. Có người chủ trương hai mươi một chữ ấy do người đời sau thêm vào, có người quan niệm [hai mươi một chữ ấy] có thể là nguyên văn lời dịch kinh Di Đà trong thuở ấy. Có thể là hai mươi một chữ ấy bị bỏ sót khi sao chép. Có hai cách

¹ Bản khắc kinh này đã có rất lâu đời, được khắc trên bia đá tại chùa Long Hưng, do Triệu Tấn Lang Trần Nhân Lăng viết vào đời Tùy, nét chữ cực đẹp, ai nấy đều ưa thích. Ngài Linh Chi Nguyên Hiểu khi có được bản rập của bản kinh này, hết sức trân quý, nhờ người khắc vào đá dựng trong chùa Linh Chi Sùng Phước tại Tiền Đường, nhưng tấm bia ấy đã bị hủy hoại trong chiến tranh. Tương Dương là một địa danh nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa, nằm ở phía Nam sông Tương (chi lưu chính của sông Dương Tử) là nơi hợp lưu của Hán Thủy, Đan Giang và Tích Thủy. Đây là nơi đã xảy ra cuộc chiến lớn giữa Tôn Kiên và Lưu Biểu thời Tam Quốc. Do vị trí chiến lược, nơi này đã xảy ra cuộc tấn công dữ dội của quân Mông Cổ kéo dài suốt sáu năm (1267-1273) trong nỗ lực tiêu diệt nhà Nam Tống.

nói như vậy. Liên Trì đại sư cũng thấy bản ấy. Hai mươi một chữ là: “*Chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chúng tội tiêu diệt, tức thị đa thiện căn, phước đức, nhân duyên*” (Chuyên trì danh hiệu, do xưng danh nên các tội tiêu diệt. Đây chính là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên). Bản kinh khắc đá ở Tương Dương có hai mươi một chữ ấy, ý nghĩa của kinh đúng là rõ rệt hơn rất nhiều. Liên Trì đại sư chẳng chọn dùng, vì sao? “*Dĩ văn nghĩa bất an*” [ý nói] văn tự và ý nghĩa [của những chữ ấy] so với toàn bộ kinh Di Đà chẳng thỏa đáng cho lắm, “*bất an*” là chẳng thỏa đáng cho lắm. Theo cách nhìn của Liên Trì đại sư, [những chữ ấy] có thể là do người đời sau thêm vào, cho nên “*nhưng y cổ bản bất gia*” (vẫn tuân theo bản xưa chẳng thêm vào). Bản được truyền lại từ xưa chính là bản dịch kinh Di Đà của Cựu Ma La Thập đại sư mà nay chúng ta đang đọc. Vào những năm cuối đời Thanh, thời đầu Dân Quốc, có chẳng ít vị đại đức cho rằng hai mươi một chữ ấy đã làm sáng tỏ kinh nghĩa hết sức trọng yếu! Lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập hai bản dịch của kinh Di Đà, cũng thêm hai mươi một chữ ấy vào; thoạt nhìn, ý nghĩa càng thêm sáng tỏ, rõ rệt. Kinh dạy chúng ta: “*Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”. Hai mươi một chữ ấy đã nói rõ ràng: Chuyên tâm trì danh là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, đã ban cho chúng ta một câu trả lời hết sức khẳng định đối với tín nguyện trì danh, khiến cho chúng ta có thể kiên định tín tâm.

(Sớ) Nhi dĩ tức thị thiện phước chi ý, ngôn ngoại bổ nhập, tư vi doãn đáng.

(疏)而以即是善福之意，言外補入，斯為允當。

(Sớ: Coi [những chữ ấy] chính là những lời [do người đời sau] thêm vào nhằm bổ sung ý nghĩa cho [câu kinh] “nhiều thiện căn, nhiều phước đức” thì sẽ thích đáng).

Ý của Liên Trì đại sư là: Hãy nên coi hai mươi một chữ ấy là chú giải của kinh Di Đà. Đó là thích hợp, xác đáng nhất, chứ coi chúng là kinh văn sẽ hoàn toàn chẳng thỏa đáng.

(Sao) Văn nghĩa bất an giả, thượng văn dĩ hữu chấp trì danh hiệu tứ tự, bất khả cánh trước chuyên trì danh hiệu nhất cú, thượng hạ trùng phục, bất thành văn nghĩa.

(鈔)文義不安者，上文已有執持名號四字，不可更著專持名號一句，上下重複，不成文義。

(Sao: “Văn nghĩa bất an”: Trong đoạn kinh văn trước đó đã có bốn chữ “chấp trì danh hiệu”, không thể lại có câu “chuyên trì danh hiệu”, trên dưới trùng lặp, chẳng thành văn nghĩa!)

Vì sao nói là kinh văn và ý nghĩa chẳng ổn thỏa, xác đáng? Trong đoạn văn trước đó đã có câu “chấp trì danh hiệu”, đoạn sau lại có “chuyên trì danh hiệu”, xét theo kinh văn và ý nghĩa, hãy còn có chỗ chẳng ổn thỏa, thích đáng. Văn chương thời cổ rất kỵ trùng lặp, nhắc đi nhắc lại, vì [viết như thế] sẽ chẳng phải là văn chương hay! Văn tự trên dưới trùng lặp, [tức là không phù hợp với cách hành văn, nhất là mỗi bản dịch kinh đều đã được gọt giũa bởi người đảm trách vai trò Bút Thợ và Nhuận Văn trong đạo tràng dịch kinh, cho nên khó thể có chuyện trùng lặp trong câu chữ]. Cách nói và cách nhìn của Liên Trì đại sư là như vậy đó. Cũng có vị cổ đại đức có cách nhìn khác, họ cũng lập luận rất hợp lý: Vì sao văn nghĩa trùng lặp? Tức là khi đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, nhằm tỏ ý nhấn mạnh, đối với chỗ trọng yếu, Ngài chẳng ngại lặp đi, lặp lại. Nói theo kiểu này thì cũng suông sẻ! Rốt cuộc [hai mươi một chữ ấy] là kinh văn, hay là lời chú giải của cổ nhân? Chỉ có thể đánh dấu hỏi, xếp vào loại “tôn nghi” (còn đang nghi ngờ, chẳng đoạn quyết). Cả hai cách nói đều hay, đều có lý, chúng ta dùng chúng để làm tham khảo là được rồi!

(Sao) **Cựu truyền thử nhị thập nhất tự, thị Tương Dương thạch khắc, đương tri thị tiền nhân giải kinh chi ngữ. Tương bản ngoa nhập chánh văn, hỗn thư bất biệt nhĩ.**

(鈔)舊傳此二十一字，是襄陽石刻，當知是前人解經之語，襄本訛入正文，混書不別耳。

(Sao: Có lời truyền tụng từ xưa rằng: “Hai mươi một chữ ấy xuất phát từ bản khắc đá tại Tương Dương”. Hãy nên biết đó là lời chú giải kinh văn của tiền nhân, bản khắc ở Tương Dương đã đưa nhầm vào chánh văn, viết lẫn lộn chẳng phân biệt).

Liên Trì đã nêu rõ lý do vì sao Ngài không dùng những chữ ấy. Lão nhân gia cho những chữ ấy là mấy câu giải thích kinh Di Đà của cổ nhân, chẳng phải là kinh văn. Bản khắc đá ở Tương Dương đã hiểu lầm, coi chúng là kinh văn rồi khắc lẩn vào kinh văn.

(Sao) Nghĩa văn nghĩa giả, đương tự kiến đắc.

(鈔)義文義者，當自見得。

(Sao: Những người thông thạo văn nghĩa sẽ tự thấy rõ).

Đối với những người thông hiểu văn chương, trong pháp tắc hành văn, hai mươi một chữ ấy quá dư thừa. Có những người quan niệm khác với Liên Trì đại sư, họ cho rằng hai mươi một chữ ấy xác thực là kinh văn.

(Sớ) Xứng Lý.

(疏)稱理。

(Sớ: Tương xứng với Lý).

Xứng Lý là “*tiêu quy tự tánh*”. Đoạn văn Xứng Lý trong bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư là điểm đặc sắc của Ngài, cũng là một đoạn rất tinh túy.

(Sớ) Tắc tự tánh phi ức, phi vong, thị chấp trì nghĩa.

(疏)則自性非憶非忘，是執持義。

(Sớ: Tự tánh chẳng phải nhớ, chẳng phải quên, chính là ý nghĩa “chấp trì”).

“*Tự tánh*” là Chân Như bản tánh. Trong Chân Như bản tánh, chẳng có Úc, chẳng có Vong. Úc và Vong là đối lập: Úc niệm (nghĩ nhớ) bèn chẳng quên. Đã quên bẵng sẽ chẳng có nghĩ nhớ. Hai điều ấy là đối lập. Đối lập là hai pháp, Lục Tổ nói: “*Hai pháp chẳng phải là Phật pháp*”. Phật pháp như Lục Tổ đã nói là gì? Phật pháp là Chân Như bản tánh. Trong Chân Như bản tánh, chẳng lập một pháp, chẳng bỏ một pháp. Đó là tướng trạng của Tánh Đức. Nếu có thứ gì đối lập, sẽ trái nghịch Tánh Đức, chẳng phải là tự tánh. Ở đây nói có nhớ, có quên; nhưng nếu

nói theo tự tánh thì chẳng có nghĩ nhớ, mà cũng chẳng có quên mất. Đó mới là ý nghĩa “*chấp trì*” thật sự.

(Sớ) *Phi kim, phi tạc, thị thất nhật nghĩa.*

(疏)非今非昨，是七日義。

(Sớ: *Chẳng phải nay, chẳng phải xưa, chính là ý nghĩa “bảy ngày”*).

“*Thất nhật*” là nói theo Sự, bèn có một ngày, hai ngày, ba ngày. Kinh Di Đà nói bảy ngày, vì sao chẳng nói sáu ngày, chẳng nói tám ngày, chẳng nói chín ngày, cứ khăng khăng nói bảy ngày? Nói theo Lý, “*bảy*” biểu thị sự viên mãn, biểu thị pháp, chẳng phải là một con số. Nói theo Sự trì, bèn coi nó như một con số. Nói theo Lý, nó chẳng phải là một con số, mà nhằm biểu thị đại viên mãn. Bảy do đâu mà có? Bốn phương, trên, dưới và chính giữa, bèn viên mãn. Vì thế, Bảy tượng trưng cho sự viên mãn. “*Phi kim, phi tạc*”: Chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai thì mới là viên mãn.

(Sớ) *Phi nhất, phi đa, thị nhất tâm nghĩa.*

(疏)非一非多，是一心義。

(Sớ: *Chẳng một, chẳng nhiều là ý nghĩa “nhất tâm”*).

Nói “*một*” thì đối lập của nó là “*nhiều*”. Tương phản của “*nhiều*” là “*một*”. Thấy đều là tương đối, đều là đối lập, nói cách khác, đều là hai pháp. Hai pháp thì đức Phật mới có thể nói được. Hễ là một pháp, Phật chẳng thể thốt nên lời! Đức Phật đã hình dung trạng huống “*nhất pháp*” như sau: “*Ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”, ngôn ngữ bèn thốt chẳng nên lời. Không chỉ là ngôn ngữ chẳng nói năng gì được, mà ngay cả suy nghĩ cũng chẳng thể được! Điều gì cũng chẳng nghĩ tương, hết thấy ý niệm đều dứt bật, đều chẳng có, một câu cũng chẳng nói được, đó mới là Nhất. Hễ động niệm, hễ mở miệng, cỏ nhân bảo là đã rớt trong hai, ba, thường nói là: “*Mở miệng liền trập, động niệm bèn sai*”. Hễ có nói năng, động niệm, là đã rớt vào hai, ba, đã chẳng phải là một! Nếu chúng ta chú tâm thấu hiểu những điều này, sẽ biết những điều ấy là chánh lý, tức là những đạo lý hết sức chánh xác, là chân tướng sự thật. Nay chúng ta chẳng làm được, suốt ngày từ sáng đến tối luôn đầy vọng tưởng, cho nên đức Phật dạy chúng ta một phương pháp rất xảo diệu:

Chẳng phải là quý vị đang dấy vọng tưởng ư? Hễ dấy vọng tưởng bèn nghĩ tới A Di Đà Phật, phương pháp này rất nhiệm mầu! Chuyên tưởng A Di Đà Phật, những vọng tưởng khác đều buông xuống. Chuyên niệm A Di Đà Phật, những ý niệm khác cũng đều buông xuống. Dùng một niệm để đoạn hết thấy vọng niệm, dùng một tưởng để đoạn hết thấy vọng tưởng. Tịnh Tông dùng phương pháp này, đó gọi là Sự trì, là Sự nhất tâm bất loạn. Sự trì sau khi đã thuận thực, đã khai ngộ, niệm ấy cũng trừ sạch, bèn nhập Lý trì, công đức viên mãn, thật sự đạt tới nhất tâm bất loạn. Do vậy có thể biết: Sự trì là phương tiện để tu hành, là giai đoạn tu học thứ nhất. Chẳng tuân theo thứ tự ấy, không đổ công dốc sức nơi giai đoạn này, vĩnh viễn chẳng đạt được minh tâm kiến tánh.

(Sớ) Phi định, phi loạn, thị bất loạn nghĩa.

(疏)非定非亂，是不亂義。

(Sớ: Chẳng định, chẳng loạn chính là ý nghĩa “bất loạn”).

Kinh nói “*nhất tâm bất loạn*”, ý nghĩa thật sự là nói lên điều này. Đoạn giải thích Xưng Lý này hoàn toàn là cảnh giới Thiên Tông. Đại sư chú giải bộ kinh này, cuối mỗi đoạn đều có cách nói Xưng Lý như vậy. Ngài khổ tâm nhằm dụng ý bảo cho người ta biết “*Thiền, Tịnh bất nhị*”. Niệm Phật là tham Thiền, chỉ là phương thức khác nhau, nhưng thành tựu chẳng khác gì nhau, dụng ý ở chỗ này!

(Sao) Bản vô sanh diệt, hà hữu ức vong.

(鈔)本無生滅，何有憶忘。

(Sao: Vốn chẳng sanh diệt, có gì là quên và nhớ?)

Tự tánh chẳng có sanh diệt, có gì là nhớ và quên? Vì nhớ và quên là tướng sanh diệt. Bản thể của tự tánh là bất sanh, bất diệt, làm sao có thể có hiện tượng này cho được? Hiện tượng ấy nảy sanh, hoàn toàn là sanh từ ý thức. Tám thức, năm mươi một Tâm Sở là pháp sanh diệt, có nhớ, có quên. Do vậy, tám thức là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Trong vọng tâm có hiện tượng ấy. Trong Bách Pháp Minh Môn, cô đại đức đã quy nạp hết thấy vạn pháp thành một trăm pháp. Chín mươi bốn pháp trước gọi là pháp hữu vi. Sáu pháp cuối gọi là pháp vô vi. Pháp hữu vi có sanh, có diệt, pháp vô vi chẳng có sanh diệt. Loại thứ nhất trong pháp hữu vi là Tâm Pháp, tức tám Tâm Vương, gồm A Lại Da, Mạt Na,

Ý Thức, và năm thức trước. Kế đó là năm mươi một Tâm Sở Pháp, cũng đều là có sanh, có diệt. Tự tánh chẳng có sanh diệt, tự tánh là pháp vô vi. Trong một trăm pháp, nó thuộc về pháp cuối cùng, tức là Chân Như vô vi. Ở đây, chúng ta gọi Chân Như vô vi là “tự tánh”, bất sanh, bất diệt. Trong ấy, chẳng có nghĩ nhớ.

(Sao) *Thế tuyệt khứ lai, thù thành kim tặc.*

(鈔)體絕去來，誰成今昨。

(Sao: Thế trọn chẳng có đến, đi, lấy đâu ra xưa và nay).

“Thế” là nói tới tự tánh, hoặc bản thể, bản thể là tự tánh. Tự tánh trọn khắp hết thấy mọi nơi, há có đến đi? Đến và đi cũng là hai pháp; chẳng có đến đi thì mới là thật sự Một! Chẳng có đến đi, lấy gì làm xưa, nay? Ngày hôm qua đã qua, ngày hôm nay đưa đến, có tướng đến đi. Trên thực tế, trong tự tánh bản thể, chẳng có hiện tượng này. Vì thế, tướng đến đi cũng là pháp sanh diệt. Chúng ta gọi điều này là “*thời gian*”. Trong trăm pháp, thời gian thuộc loại Bất Tương Ứng Hành Pháp (Citta-viprayukta-samskāra). Nói theo cách hiện thời, Bất Tương Ứng Hành Pháp là khái niệm trừ tượng, trọn chẳng phải là sự thật, chỉ là khái niệm trừ tượng mà thôi.

(Sao) *Nhất diệt bất vi nhất, đa thượng hệ tồn.*

(鈔)一亦不為一，多尚奚存。

(Sao: Một cũng chẳng phải là một, làm sao có nhiều cho được).

“Một” đã chẳng thể nói được. Nói Một thì đối lập của nó là Nhiều! Đã chẳng thể nói Một được, còn lấy đâu ra Nhiều tồn tại? Trước khi kiến tánh, xác thực là có một, có nhiều, có sanh, có diệt, có đến, có đi, những điều ấy thấy đều tồn tại, đều bày ra trước mặt. Sau khi đã kiến tánh, chúng đều chẳng có. Đây là tiêu chuẩn. Hễ có thể lấy ra từng cặp tương đối, bèn biết là bản thân chúng ta chưa kiến tánh. Chúng ta còn có thị phi, nhân ngã, còn có các thứ phân biệt, chấp trước, [tức là] chưa kiến tánh. Đối với người kiến tánh, những thứ ấy hoàn toàn đều chẳng có. Còn có một hạng người, ý niệm gì cũng chẳng có, bèn nhập Vô Tướng Định. Người nhập Vô Tướng Định cũng chẳng có phân biệt, chấp trước, tâm địa thanh tịnh, chẳng sanh một niệm. Vô Tướng Định và kiến tánh có gì khác nhau? Nếu xét theo phương diện “*chẳng lập một pháp*”, Vô Tướng

Định và kiến tánh rất giống nhau. Nếu xét theo phương diện “*chẳng bỏ một pháp*”, hai bên hoàn toàn chẳng giống nhau! Người kiến tánh thông đạt, hiểu rõ hết thấy vạn pháp. Người nhập Vô Tướng Định, tâm tuy rất thanh tịnh, buông xuống hết thấy, nhưng điều gì cũng chẳng biết! Người kiến tánh tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, đối với quá khứ, hiện tại, vị lai, cõi này, phương khác, chẳng có gì không hiểu rõ ràng. Nói cách khác, người kiến tánh có trí huệ viên mãn; người Vô Tướng Định chẳng có trí huệ. Đó là tướng trạng khác biệt vời vợi [giữa Vô Tướng Định và kiến tánh].

(Sao) Định thả vô định hình, loạn tương an ký?

(鈔)定且無定形，亂將安寄。

(Sao: Định còn chẳng có hình trạng nhất định, loạn nương vào đâu?)

Tương phản của Định là loạn. Trong Lục Độ của Bồ Tát, Thiền Định nhằm độ tán loạn. Định có hình tướng như thế nào? Định chẳng có hình tướng. Phạm phu chúng ta nhập Định bèn có hình tướng, ngồi xếp bằng nhìn vào vách. Chúng ta tạc hình tượng Phật, Bồ Tát ngồi trên đài sen, đó là hình tướng nhập Định. Tự tánh vốn Định thật sự chẳng có hình tướng, như trong kinh Đại Thừa thường nói: “*Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời*” (Bậc long tượng thường ở trong Định, chẳng có lúc nào không định). Ngồi đi, đứng, ngồi, nằm đều ở trong Định, chúng ta chẳng nhìn ra Định ấy. Đây mới là đại định! Thủ Lăng Nghiêm Đại Định được nói trong kinh Thủ Lăng Nghiêm chính là tự tánh vốn định. Nếu Định chẳng có hình tướng, lấy đâu ra loạn? Định thật sự thì Định và loạn là một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Đây mới là tánh định.

(Sao) Như tư hội đắc, chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm.

(鈔)如斯會得，終日念佛，終日念心。

(Sao: Hiểu như vậy thì suốt ngày niệm Phật chính là suốt ngày niệm tâm).

“*Chung nhật niệm Phật*” (Suốt ngày niệm Phật) là chuyện trong Tịnh Độ Tông. “*Chung nhật niệm tâm*” (Suốt ngày niệm tâm) là chuyện trong Thiền Tông. Thiền Tông tham thoại đầu, quán tâm, đều là niệm

tâm. Điều này cho thấy: Chúng ta niệm Phật và quán tâm, hoặc tham thoại đầu chẳng khác gì cả, là cùng một chuyện. Hợp Thiền và Tịnh thành một Thể, Tịnh là Tịnh của Thiền, Thiền là Thiền của Tịnh, là một, không hai, chỉ là phương pháp tu hành và cách thức khác nhau. Phương pháp và cách thức của chúng ta dễ hơn [phương pháp] tham cứu của nhà Thiền.

(Sao) Chung nhật niệm tâm, chung nhật vô niệm.

(鈔)終日念心，終日無念。

(Sao: Suốt ngày niệm tâm, suốt ngày vô niệm).

Trong phần chú giải, đã giảng hai câu này rất rõ ràng, tôi chẳng nói nhiều!

(Sao) Tức tâm, tức Phật, phi Phật, phi tâm, thị tức danh vi chân niệm Phật giả.

(鈔)即心即佛，非佛非心，是則名為真念佛者。

(Sao: Chính là tâm, chính là Phật, chẳng phải là tâm, chẳng phải là Phật, do vậy gọi là thật sự niệm Phật).

Chúng ta chớ nên học điều này. Học rồi, chắc chắn sẽ chẳng thể vãng sanh, sẽ thất bại. Chúng ta vẫn là Sự niệm, thật thà chấp trì danh hiệu cầu sanh Tịnh Độ, đó là đúng. Chẳng vất vả tham cứu! Trong đoạn này, đại sư bảo chúng ta: [Cảnh giới chứng đắc của Tịnh Độ Tông] và cảnh giới thượng thượng thừa của Thiền Tông bằng nhau. Chúng ta dùng phương pháp “*lập phương, chấp tướng*” để đạt tới cảnh giới thượng thượng Thiền. Dụng ý của đoạn này là ở chỗ này!

Kinh văn giảng đến chỗ này là đã giới thiệu xong bốn chữ “*nhất tâm bất loạn*”. Đoạn này chiếm đến một phần tám toàn bộ lời văn trong Sớ Sao. Sớ Sao có tất cả bốn quyển, nhất tâm bất loạn chiếm mất nửa quyển, tức là nửa quyển ba. Lại xem tới quyển bốn, đây là quyển cuối cùng. Kinh văn như sau:

(Kinh) Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật, dĩ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền.

(Sớ) Kỳ nhân, chỉ trì danh giả, thừa thượng đẳng năng nhất tâm bất loạn, mạng chung chi thời, Phật tất hiện tiền dã.

(經)其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。

(疏)其人，指持名者，承上但能一心不亂，命終之時，佛必現前也。

(*Kinh*: Người ấy khi lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt.

(*Sớ*: “Người ấy” là nói tới người trì danh, nói tiếp ý trong đoạn kinh văn trước đó: Chỉ cần có thể nhất tâm bất loạn, khi mạng chung, Phật ắt hiện tiền).

“Trì danh”: Tịnh Tông có ba điều kiện, đây là điều kiện thứ ba. Điều kiện thứ nhất là “*thâm tín*” (tin sâu), quyết định chớ nên hoài nghi. Điều kiện thứ hai là “*thiết nguyện*” (nguyện thiết tha), nguyện vọng hết sức khẩn thiết, mong sanh về Tây Phương, mong thấy Di Đà. Điều kiện thứ ba là nhất tâm trì danh. Đó là ba tư lương của Tịnh Độ. Nói đến “*tư lương*” (資糧), rất nhiều người hiện thời chẳng hiểu, chúng tôi nói [ba tư lương] là ba điều kiện để được vãng sanh Tịnh Độ. Ba điều kiện ấy, hễ thiếu một sẽ chẳng thể vãng sanh. Đã nói tới trì danh, đương nhiên là trọn đủ hai điều kiện trước đó. Vì sao? Đã tin, chưa chắc đã muốn vãng sanh. Muốn vãng sanh, chưa chắc đã chịu niệm Phật. Đã niệm Phật thì đương nhiên là có tín, có nguyện. Do vậy, hễ nói tới trì danh, bèn trọn đủ ba điều kiện “*tín, nguyện, trì danh*”. “*Thừa thượng*” (承上) là tiếp theo ý của đoạn kinh văn trong phần trước. Trong đoạn kinh văn trước đó đã nói tới nhất tâm bất loạn. “*Đản năng nhất tâm bất loạn*”, [nghĩa là] chỉ cần có thể đặc nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn ở đây bao gồm Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, tức là “*công phu trì danh cạn hay sâu*” như Ngẫu Ích đại sư đã nói. Công phu sâu là Lý nhất tâm, công phu cạn là Sự nhất tâm. Trong đạo tràng, thông thường chúng ta cũng nói tới công phu thành phiền. Công phu thành phiền là cảnh giới gì? Là Sự nhất tâm ở mức độ nông cạn, chẳng sâu. Nhất tâm cạn hay sâu, nói thật ra, sai khác rất lớn. Nói tới Lý nhất tâm thì Lý nhất tâm là đã minh tâm kiến tánh. Nói theo Viên Giác, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, đó là Lý nhất tâm. Vô minh có bốn mươi một phẩm, bốn mươi phẩm vô minh đều phá sạch, bèn đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn là Lý nhất tâm. Nói cách khác, trong

Lý nhất tâm chia thành bốn mươi một đẳng cấp. Đó là đẳng cấp cạn hay sâu sai khác. Sự sai biệt trong Lý nhất tâm rất lớn, Sơ Trụ của Viên Giác là Lý nhất tâm, Đẳng Giác Bồ Tát cũng là Lý nhất tâm. Sự nhất tâm cũng chẳng phải là ngoại lệ. Nói theo Tiêu Thừa, từ Sơ Quả tới Tứ Quả đều thuộc về Sự nhất tâm. Chưa đạt được Sơ Quả, trước Sơ Quả bèn gọi là Sơ Quả Hướng, [hàm ý] hướng theo phương hướng của Sơ Quả, chưa đạt tới Sơ Quả. “*Công phu thành phiền*” như chúng ta thường nói thuộc vào địa vị này. Có chứng đắc Sơ Quả hay chưa? Chẳng có! Vì chứng đắc Sơ Quả là đã đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chúng ta chưa đoạn! Chúng ta chỉ là công phu đắc lực nơi một câu Phật hiệu, “*đắc lực*” là đã chế phục các phiền não ấy. Phiền não vẫn còn, tạm thời chúng nó chẳng khởi tác dụng, tâm địa đạt được tương tự thanh tịnh. Đó gọi là “*công phu thành phiền*”. Chư vị phải biết, có thể nói là trong các tông phái khác, công phu như vậy chẳng có mấy may thành tựu nào, vẫn phải sanh tử luân hồi y như cũ! Trong các tông phái khác, mức độ thấp nhất là phải đạt tới cảnh giới Sơ Quả thì mới coi như thành tựu. Cũng có thể nói là quý vị học Thiền cũng thế, mà học Mật cũng thế, học Giáo cũng thế, nhất định là phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chứng Vị Bất Thoái trong ba món Bất Thoái, đó là đã thành tựu, địa vị đã chẳng bị thoái chuyển. Vị Bất Thoái tuyệt đối sẽ chẳng lui sụt thành phàm phu. Nói cách khác, tuy chưa thể thoát tam giới, vẫn luân hồi trong tam giới y như cũ, nhưng quyết định là người ấy chẳng đọa trong ba ác đạo. Do vậy, trong lục đạo, người ấy chỉ luân hồi trong hai đường nhân, thiên, tuyệt đối chẳng đọa lạc trong những đường khác, chẳng đọa trong ba ác đạo, cũng chẳng thể biến thành A Tu La. Vị ấy thọ sanh tu hành trong hai đường trời, người, coi như là có thành tựu. Khi nào đoạn hết sạch tám mươi một phẩm Tư Hoặc thì mới có thể chẳng luân hồi, vượt thoát nhân, thiên, cũng là từ cõi Phạm Thánh Đồng Cư siêu sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư là lục đạo, vị ấy chẳng thuộc trong lục đạo. Quý vị mới biết chuyện ấy khó lắm! Quá ư là khó! Chỉ có Tịnh Độ là chỉ cần có thể chế phục phiền não [bèn có thể vãng sanh, chẳng thuộc trong lục đạo]. Do vậy, công phu thực tế của người ấy là Sơ Quả Hướng, chưa đạt tới Sơ Quả. Sơ Quả Hướng chỉ có chút khí phận của Sơ Quả mà thôi; người ấy có thể đơi nghiệp vãng sanh, sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế giới Tây Phương, đó là chỗ thù thắng của Tịnh Độ. Cổ đức nói pháp môn này “*vạn người tu, vạn người đến*”, vì sao mọi người đều có thể đến [Cực Lạc]? Vì bất cứ người nào cũng đều có thể thành tựu loại công phu này! Sợ là quý vị chẳng chịu

hành. Nếu quý vị chịu hành, ai nấy đều có thể đạt được! Nói cách khác, ai nấy đều có thể vãng sanh, đó là sự thù thắng trong Tịnh Độ.

“*Mạng chung chi thời, Phật tất hiện tiền*” (Khi lâm chung, Phật ắt hiện tiền): Phật đến tiếp dẫn là bản nguyện của Phật. Ngài đã từng phát lời thề này, lập nguyện này; nếu Ngài chẳng đến tiếp dẫn, sẽ trái nghịch bản nguyện. Do vậy, Phật nhất định đến tiếp dẫn. Có những kẻ hoài nghi, người niệm Phật trên thế giới quá đông! Lại nghe nói không chỉ là thế giới này niệm Phật, mà người niệm Phật trong mười phương vô lượng vô biên chư Phật thế giới đông đảo ngàn ấy, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn từng người một, há Ngài có lắm thời gian dường ấy? Cho đến lúc ấy có thể quên mất ta hay chẳng? Người ôm mối nghi hoặc ấy rất nhiều, tôi thường gặp lắm! Cứ ngỡ đầu óc Phật chẳng khác chúng ta cho mấy, rất dễ quên mất chuyện này việc nọ! Coi Phật như phạm phu, cứ ngỡ Ngài chẳng khác ta cho mấy, tội lỗi ấy rất to! Trí huệ, thần thông và đạo lực của Phật viên mãn, Pháp Thân của Phật tận hư không khắp pháp giới. Mười phương vô lượng vô biên chúng sanh, bất cứ một chúng sanh nào có cảm, Phật lập tức có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, quyết định chẳng sai lầm, quyết định chẳng bỏ sót một ai! Chúng ta nhất định phải tin tưởng điều này, chớ nên nghi hoặc. Niệm Phật, khi lâm chung, Phật nhất định hiện tiền.

Người phước báo to, thật sự vãng sanh. Vì sao? Chúng tôi đã trông thấy. Người phước báo to, khi lâm chung, đầu óc sáng suốt, bảo người bên cạnh: “Phật đã đến, ta trông thấy. Phật đến tiếp dẫn ta, ta theo Phật ra đi”. Đó là quyết định vãng sanh. Phước báo kém hơn, nghiệp chướng nặng hơn, khi lâm chung, người ấy bị bệnh khổ. Phật đến tiếp dẫn, người ấy trông thấy, cũng muốn nói cho người nhà biết, miệng mấp máy, muốn nói mà chẳng thốt ra tiếng, miệng máy động là muốn bảo người nhà: “Ta thấy Phật đến tiếp dẫn ta”. Thường là khi chúng ta trợ niệm, dường như thấy người ấy mấp máy miệng niệm theo chúng ta. Thật ra, trong sát-na cuối cùng, người ấy chẳng phải là niệm Phật, mà là thấy Phật đến tiếp dẫn, [cố gắng] nói mà chẳng phát ra âm thanh, những tướng trạng này đều là quyết định vãng sanh. Sợ nhất là trong một sát-na lâm chung, thần trí chẳng sáng suốt, mê hoặc, điên đảo, người trong trạng huống ấy, thông thường là lưu chuyển theo nghiệp, bị nghiệp lực lôi đi, đó là chuyện rất đáng sợ. Đây là chuyện thật sự then chốt trong cả một đời chúng ta, đại sự bậc nhất trong cả một đời ở ngay trong lúc ấy! Nếu chúng ta muốn hoàn thành viên mãn đại sự bậc nhất này, nhất định phải hiểu: Trong một đời này, chúng ta đối với khởi tâm động niệm,

ngôn ngữ, tạo tác phải biết tu phước, đoạn hết thủy ác, tu hết thủy thiện. Tu thiện đắc phước báo, quyết định chẳng hưởng thụ phước báo, lưu lại phước báo để dùng trong một sát-na lâm chung. Trong sát-na ấy, chẳng sanh bệnh, biết trước lúc mất, biết chính mình sẽ ra đi vào hôm nào, ra đi rất tự tại, ra đi rất tiêu sái, đấy là phước báo! Người ra đi như vậy, trong hơn bốn mươi năm nay, chúng tôi thấy rất nhiều tại Đài Loan. Đài Loan xác thực là phước địa, là đảo báu! Trong lịch sử Trung Hoa, từ xưa tới nay, trong một khu vực như vậy, trong vòng bốn mươi năm ngắn ngủi, người niệm Phật vãng sanh đông ngàn ấy, vẫn là chưa hề nghe nói tới. Đứng mất, ngồi mất, chẳng sanh bệnh!

Thành phố Đài Bắc, vào năm Dân Quốc 51-52 (1962-1963), Liên Hữu Niệm Phật Đoàn [đặt trụ sở] tại đường Long Giang. Người sáng lập Liên Hữu Niệm Phật Đoàn là lão cư sĩ Lý Tế Hoa vãng sanh, vị này cách chúng ta chẳng quá lâu! Hai vợ chồng lão cư sĩ tham gia hội Niệm Phật. Hội Niệm Phật của họ [cộng tu] theo phương thức giống như chúng ta thường niệm một cây hương (một tiếng rưỡi) trong khi đả Phật Thất. Khi chỉ tĩnh bèn giảng khai thị. Thông thường, giảng khai thị nửa tiếng. Hôm ấy, lão cư sĩ cao hứng giảng khai thị tới một tiếng rưỡi. Giảng xong, từ tạ mọi người: “Tôi phải về nhà”. Cụ đã tám mươi mấy tuổi. Sau khi bước xuống giảng tòa, đến phòng khách nhỏ ở bên cạnh Niệm Phật Đường, ngồi trên sofa, ngồi xong bèn tịch, đã vãng sanh. Quý vị thấy có tự tại lắm hay không? Về sau, chúng tôi hỏi dò, lão nhân gia biết trước hai tháng sẽ ra đi vào ngày nào, cho nên vào ngày nghỉ mỗi tuần đều đến thăm và chào từ biệt bạn cũ. Hôm lão nhân gia vãng sanh, cư sĩ Từ Tỉnh Dân cũng có mặt tận nơi. Hôm đó, ông Từ cũng tham gia niệm Phật hội. Thuở ấy, ông Từ là ký giả của báo Tân Sanh (đời sống mới), đích thân tận mắt thấy chuyện này, hôm sau viết một bức thư bảo đảm gọi cho tôi, tôi ở Đài Trung, cho tôi biết niệm Phật vãng sanh là thật, chẳng giả tí nào, ông ta đích thân trông thấy mà! Phước báo của chúng ta phải dành để hưởng khi ấy. Hiện thời có phước báo bèn hưởng hết sạch, lúc lâm chung sẽ chẳng có phước, đúng là chẳng có phước! Hiện tiền có phước, phước báo của chúng ta để cho mọi người hưởng, chính mình chẳng cần hưởng, phước báo của chúng ta vĩnh viễn còn tại đó. Lâm chung biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, đứng mất, ngồi mất, tùy thuộc ý nghĩ của chính mình, đó là đúng. Đấy mới là người thông minh thật sự.

(Sớ) Dĩ tự lực, Phật lực, cảm ứng đạo giao cố. Như nhị bộ kinh, cập chư kinh trung thuyết.

(疏)以自力佛力，感應道交故。如二部經，及諸經中說。

(Sớ: Do tự lực và Phật lực cảm ứng đạo giao, như trong hai bộ kinh và các kinh đã nói).

Hai bộ kinh là kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. trong ấy đều có nói rất rõ ràng.

(Sao) Tự lực giả, phạm nhân mạng chung, tiền hữu tương tạ, hậu hữu vị sanh, bình sanh thiện ác, tự nhiên hiện tiền.

(鈔)自力者，凡人命終，前有將謝，後有未生，平生善惡，自然現前。

(Sao: Tự lực là phạm nhân khi mạng chung, tiền hữu sắp tan, hậu hữu chưa sanh, những điều thiện ác trong đời này tự nhiên hiện tiền).

Nếu chúng ta hơi lưu ý, sẽ có thể thấy hiện tượng này, đúng là sự thật. Chúng ta thấy người bệnh nặng, nhìn vào hiện tượng lúc sắp chết của người ấy, quý vị sẽ thấy được. Trong thời gian sót lại ấy, trước khi tắt hơi, “*tiền hữu tương tạ, hậu hữu vị sanh*” (tiền hữu sắp tan, hậu hữu chưa sanh): “*Tiền hữu*” (前有) là nói tới thân thức của chúng ta (người Hoa gọi [thân thức] là “linh hồn”) vẫn chưa rời khỏi thân thể, sắp phải tách lìa thân thể. “*Tạ*” (謝) là rời khỏi, [“*tương tạ*” là] sắp phải rời khỏi, nhưng còn chưa rời khỏi, ở trong lúc ấy. “*Hậu hữu*” (後有) là đã tách lìa, đã rời khỏi thân thể, chúng ta nói là “sau khi đã chết”. Khi sắp chết, hãy còn chưa chết, trước khi tắt hơi, “*bình sanh thiện ác, tự nhiên hiện tiền*”, những việc thiện ác do quý vị đã tạo trong một đời này, khi ấy thấy đều hiện tiền. Người thiện tâm, người bình sanh làm chuyện tốt đẹp, sẽ thấy Phật, Bồ Tát, thấy thiên thần, thấy thụy tướng rất tốt đẹp. Kẻ chẳng học Phật bèn thấy chư thiên đến tiếp dẫn, trông thấy hảo tướng. Khi ác nghiệp hiện tiền, bèn thấy oán gia trái chủ, những oán gia trái chủ nào vậy? Kinh Địa Tạng đã nói rất minh bạch, thấy người nhà quyến thuộc của quý vị, đều là những người đã chết, hoặc thấy tổ phụ, cha mẹ đã qua đời, hoặc thấy những hiện tượng hết sức kinh sợ, vậy là chẳng tốt đẹp! Những người nhà quyến thuộc ấy là thật hay giả? Trong kinh Địa Tạng,

đức Phật đã dạy chúng ta: Đó là giả, chẳng thật. Sau khi chúng ta đã chết, người nhà quyền thuộc ở trong quỹ đạo cũng chẳng thể đến tiếp dẫn chúng ta, ngàn muôn phần đừng lầm lẫn! Những người đó là ai? Oán gia trái chủ! Nếu họ dùng bộ mặt thật của chính họ để đến, quý vị trông thấy sẽ sợ hãi, sẽ chẳng theo họ! Họ biến thành hình dạng người nhà quyền thuộc của quý vị để dụ dỗ, mê hoặc quý vị, quý vị bèn đi theo họ. Khi họ chuyển lại mặt thật, oán gia đối đầu sẽ tính toán nợ nần với chúng ta. Đó gọi là “*thiếu mạng phải đền mạng, thiếu nợ phải đền tiền*”. Họ đến báo thù quý vị. Khi ấy, nghiệp báo thiện ác hiện tiền, sẽ là hiện tượng hết sức đáng sợ. Dưới đây là nêu thí dụ.

(Sao) Như Thập Ác, Ngũ Nghịch, địa ngục hiện tiền.

(鈔)如十惡五逆，地獄現前。

(Sao: Như [phạm tội] Thập Ác, Ngũ Nghịch, địa ngục hiện tiền).

Tạo ác nghiệp quá nặng; khi ấy, sẽ thấy tướng địa ngục. Thấy ngưu đầu mã diện, thấy núi đao, vạc dầu, thấy những tướng ấy.

(Sao) Xan, tham, tật đố, nọ quỷ hiện tiền.

(鈔)慳貪嫉妒，餓鬼現前。

(Sao: [Phạm thói] keo kiệt, tham lam, ganh tỵ, nọ quỷ hiện tiền).

Đại khái là trông thấy người nhà, quyền thuộc biến hiện. Khi loại này biến hiện, quá nửa là rớt vào trong nọ quỷ đạo. Trong nọ quỷ đạo, họ cũng trước hết phải tính sổ với quý vị, trước hết [quý vị] phải tiếp nhận sự báo thù của oán gia trái chủ. Đây là quả báo trong ác đạo hiện tiền.

(Sao) Nãi chí Ngũ Giới, Thập Thiện, nhân thiên hiện tiền.

(鈔)乃至五戒十善，人天現前。

(Sao: Cho đến năm giới, mười thiện, nhân thiên hiện tiền).

Đây là người chẳng niệm Phật, tu phước, tích đức, thiện tâm, thiện hạnh, quả báo trong đời sau thuộc vào đường nhân, thiên. Đại phước báo, sẽ lên cõi trời hưởng thiên phước. Người ấy có thể sanh lên cõi trời cao nhất là Đạo Lợi Thiên. Vì sao? Cậy vào tu thiện, tích đức, sanh thiên

bằng phước báo. Do phước báo sanh thiên thì sanh trong hai tầng trời Tứ Thiên Vương Thiên và Đạo Lợi Thiên. Lên cao hơn, chỉ cậy vào phước báo sẽ chưa đủ, còn phải có thêm công phu định lực. Người ấy đã từng tu hành, từng tu Định, nhưng do tu Định chẳng thành, [nên sanh trong Dục Giới]. Nếu tu Định thành công, sẽ sanh lên Sắc Giới Thiên, chẳng ở trong Dục Giới. Do Định chưa tu thành, tùy thuộc công phu định lực sâu hay cạn: Công phu cạn sanh vào Dạ Ma Thiên. Sâu hơn một chút, sanh vào Đâu Suất Thiên, lên cao hơn nữa là Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, đều là chưa đắc Định, tu Định chưa thành công. Tu Định thành công, sẽ sanh lên Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, đạt tới Sắc Giới Thiên. Những nhân quả này chúng ta đều phải hiểu rõ ràng, rành rẽ. Do vậy, người ấy lâm chung thấy người hoặc trời đến đón tiếp, đó là hưởng phước báo trong nhân, thiên.

(Sao) Kim chuyên niệm Phật, nhất tâm bất loạn, tịnh niệm thành tựu.

(鈔)今專念佛，一心不亂，則淨念成就。

(Sao: Nay chuyên niệm Phật, nhất tâm bất loạn, tịnh niệm thành tựu).

Đời này chúng ta hết sức may mắn, gặp gỡ Đại Thừa Phật pháp, gặp được đại pháp thù thắng nhất của Đại Thừa, tín nguyện trì danh, công phu thành tựu. “*Nhất tâm bất loạn*” ở đây bao gồm công phu thành thiền. Công phu thành thiền là nhất tâm bất loạn thuộc mức độ nông cạn nhất, là tương tự nhất tâm bất loạn, chẳng thật. Tương tự là được rồi, có thể vắng sanh. Điều này hoàn toàn phải bồi dưỡng, tu hành trong cuộc sống hằng ngày. Tu hành là sửa đổi những hành vi sai lầm của chúng ta. Ở đây, hành vi sai lầm được nói tới chính là ác nghịch (Thập Ác, Ngũ Nghịch), keo kiệt, tham lam, ganh tỵ, thị phi, nhân ngã, đều chẳng bình thường. Đó đều là những tập khí ác, phải diệt trừ những thứ ấy, vun bồi thiện tâm, thiện hạnh. Tu hành ngay trong cuộc sống hằng ngày, tu hành ngay trong ý niệm đối xử với người, đối xử với sự, đối xử với vật, đó gọi là tu hành thật sự. Ngàn muôn phần đừng hiểu lầm tu hành là rất thành tâm tụng niệm công khóa sáng tối, niệm cho Phật, Bồ Tát nghe; Phật, Bồ Tát trông thấy sẽ ưa thích ta, nói “đây là một đồ đệ tốt, đồ đệ rất ngoan”. Tụng niệm công khóa xong xuôi, tham, sân, ganh tỵ, hết thảy đều dấy lên, chẳng có lợi ích tí ti nào! Giả trá! Công khóa sáng tối kiêu

đó, tôi đã từng nói rất nhiều lần: “Tạo tội nghiệp”. Cớ sao gọi là tạo tội nghiệp? Sáng sớm lạy Phật, Bồ Tát một lần, buổi tối lại lạy lần nữa. Mỗi ngày lạy hai lần, lạy suốt một đời, quý vị hãy ngắm xem: Tiền đồ trong tương lai sẽ đi về đâu? Trong xã hội Trung Hoa có câu tục ngữ: “*Trước cửa địa ngục, tăng, đạo đông*”. Tăng là người xuất gia. Tục ngữ nói tới hòa thượng và đạo sĩ. Hòa thượng và đạo sĩ đều là người tu hành, vì sao vào địa ngục? Hòa thượng lạy Phật, Bồ Tát, đạo sĩ lạy thần tiên; tạo tội nghiệp nặng nề như vậy bèn đọa địa ngục. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Do vậy, tu hành chẳng do hai khóa tụng sáng tối, mà là nơi khởi tâm động niệm trong cuộc sống hằng ngày. Khóa sáng có dụng ý nhắc nhở chúng ta, chúng ta đọc những kinh luận ấy, khóa sáng đọc kinh nhằm nhắc nhở chúng ta: Kinh điển là giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Ngày hôm nay ta xử sự, đối người, tiếp vật phải tuân thủ giáo huấn của Phật, Bồ Tát, đó là công khóa buổi sáng. Khóa tối nhằm phản tỉnh, sám hối, nghĩ xem ngày hôm nay từ sáng đến tối, ta có thật sự làm được lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát hay không? Làm được thì ngày mai càng nỗ lực. Chẳng làm được, ngày mai nhất định phải làm. Phải gìn giữ thiện hạnh, phải biết sửa đổi ác hạnh. Đó là tu hành. Nhất định phải hiểu! Chớ nên lừa mình, dối người, đương nhiên càng chớ nên tự lừa mình, dối gạt Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát chẳng ngự tại đó, đắp hình tượng [các Ngài thờ phụng] ở đây, đối với tượng thờ mà còn nhẫn tâm lừa gạt, quý vị nghĩ xem hạng người có cái tâm ấy đáng nên tru lục! Vì thế, người niệm Phật chúng ta tu điều gì? Chính là tu tâm thanh tịnh; tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ đã nêu bày rất rõ ràng: Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Khóa tối mỗi ngày, chúng ta phản tỉnh: Tâm chúng ta có thanh tịnh hơn ngày hôm qua mấy phần hay không? Có bình đẳng hay không? Có giác ngộ hay không? Mỗi ngày niệm “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, mà chẳng học thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó gọi là niệm uổng công, niệm vô dụng. Cổ nhân nói: “*Gào toạc cỏ họng vẫn uổng công*”, chẳng làm được! Biết mà không thể hành thì cũng như chẳng biết! Nhất định phải thật thà thực hiện, như vậy thì cái tâm thanh tịnh của chúng ta sẽ thành tựu.

(Sao) Tắc tịnh niệm thành tựu, thanh tịnh tâm trung, ninh bất Phật hiện tiền hồ?

(鈔)則淨念成就，清淨心中，寧不佛現前乎。

(Sao: Tịnh niệm thành tựu, trong tâm thanh tịnh, lẽ nào Phật chẳng hiện tiền ư?)

Trong cái tâm thanh tịnh, chẳng có giới hạn, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có hoài nghi. Khi ấy, tâm bèn hoàn toàn tương ứng với tâm Phật. Tâm Phật thanh tịnh, chẳng có hoài nghi, chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, tâm chúng ta cũng chẳng có, đó gọi là cảm ứng đạo giao. Tâm chúng ta có cảm, tâm Phật bèn có ứng. Chúng ta một niệm cầu sanh, Tịnh Độ của Phật lập tức hiện tiền, đó là “hiện tại kỳ tiền”. Do vậy, đây là thật, chẳng giả.

(Sao) Lăng Nghiêm vân: “Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật”, thị dã.

(鈔)楞嚴云：憶佛念佛，現前當來必定見佛。是也。

(Sao: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”, chính là ý này).

Đây là hai câu khai thị quan trọng nhất trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. “Úc” là trong tâm nghĩ nhớ, “niệm” là trong tâm có. Trong Lục Thu², chữ Niệm (念) thuộc loại Hội Ý, phía trên là chữ Kim (今), phía dưới là chữ Tâm (心), tức “kim tâm” (cái tâm hiện tại), trong cái tâm hiện tại bèn thật sự có, đó là Niệm, chẳng phải là miệng niệm. Miệng niệm, mà trong tâm chẳng có, không gọi là niệm Phật. Trong tâm thật sự có, miệng chẳng niệm, vẫn gọi là niệm Phật. Ở đây, “úc Phật, niệm Phật”, chẳng nói là miệng niệm, đều là trong tâm thường nghĩ tưởng. Thường nghĩ tưởng, đó là Úc. Trong tâm thật sự có, đó là Niệm. Như vậy thì tịnh nghiệp rất dễ dàng thành tựu, sẽ có cảm ứng. “Hiện tiền” là nói chúng ta trong hiện tại, duyên của mỗi người khác nhau. Nếu duyên đặc biệt thù thắng, Phật hiện đang ở trước mặt chúng ta, chúng ta thấy rõ ràng, rành rẽ, mở mắt thấy Phật hiện đang ở trước mặt, “hiện tiền thấy Phật”. Kém hơn một bậc là trong Định, giống như khi chúng ta chỉ tĩnh trong lúc niệm Phật, khi tĩnh tọa, nhắm mắt, chẳng mở mắt, Phật hiện tiền, rành mạch, rõ ràng, đó là “định trung kiến Phật” (trong Định thấy Phật). Loại thứ ba là “mộng trung kiến Phật” (trong mộng thấy Phật), những điều này đều là “hiện tiền kiến Phật”. Hiện tiền còn có loại thứ tư là khi vãng sanh, khi hơi thở chưa dứt, người

² Lục Thu: Sáu cách cấu tạo chữ Hán, tức tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh, chuyển chú và giả tá.

ấy còn có thể nói năng. Người còn có thể nói năng, đương nhiên là người sống! Thấy Phật hiện đến, khi ấy là “*hiện tiền kiến Phật*”, thấy Phật đến, theo Phật ra đi, chẳng cần thân thể này nữa, buông bỏ!

Chư vị ắt cần phải biết, pháp môn này xác thực là pháp môn bất tử, vãng sanh là vãng sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới vãng sanh! Đã chết rồi mới vãng sanh thì là đã qua đời thứ hai, chẳng phải là thành tựu ngay trong đời này! Pháp môn này là pháp môn thành tựu ngay trong đời này. Vì thế, thấy Tây Phương Tam Thánh, tức là [trông thấy] A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đến đón tiếp, còn có nhiều vị Bồ Tát, La Hán theo Phật cùng đến tiếp dẫn. Phàm là những vị theo Phật cùng đến tiếp dẫn đều có nhân duyên rất sâu với người vãng sanh ấy. Nếu chẳng có duyên, sẽ không theo đến. Có duyên gì vậy? Nói chung là người nhà, quyến thuộc, bạn bè trong quá khứ, là những người rất thân thuộc. Trước kia, họ đã niệm Phật sớm vãng sanh từ trước, đã ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, lần này thấy quý vị niệm Phật thành công, nay cũng sắp đến thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật nghênh tiếp, chúng ta trước kia quen biết nhau, đều theo A Di Đà Phật cùng đến nghênh tiếp quý vị. Vì thế, những người theo A Di Đà Phật đến nghênh tiếp đều là người quen, cho thấy quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng tịch tịch, người quen thân cố nhiên rất nhiều! Chẳng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải luân hồi trong lục đạo, đó mới là tịch tịch. Vì sao? Người nhà, quyến thuộc do nghiệp lực bất đồng, thấy đều phân tán, vĩnh viễn chẳng thấy mặt. Chỉ có đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, người nhà, quyến thuộc thường gặp mặt, thường ở cùng một chỗ. Quý vị nếu hiểu sự thật này, há có lẽ nào chẳng vội vã đến thế giới Cực Lạc? Vì thế, đây là “*hiện tiền kiến Phật*”. Sau khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ là “*đương lai kiến Phật*”, “*đương lai*” là cùng với A Di Đà Phật thời thời khắc khắc đều ở cùng một chỗ. Không chỉ là thấy A Di Đà Phật, mà mười phương hết thấy chư Phật Như Lai quý vị đều thường xuyên trông thấy, hằng ngày đến bái phỏng, dâng một chút cúng dường, nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp. Mười phương thế giới hết thấy các cõi Phật, muốn đến chỗ nào tham học, bèn đến đó tham học, đắc đại tự tại! Đó là “*hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này!